TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BẾN CÁT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 534/2020/QĐST-HNGĐ	*Bến Cát, ngày 17 tháng 11 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 920/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2020, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1988;

Địa chỉ thường trú: Ấp K, xã Bình G, huyện Hòn Đ, tỉnh Kiên Giang; tạm trú: Nhà trọ Nguyễn Hồng L, tổ 5, ấp L, xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương.

- Bị đơn: Ông Phạm Văn Đ, sinh năm 1988;

Địa chỉ thường trú: Ấp K, xã Bình G, huyện Hòn Đ, tỉnh Kiên Giang; tạm trú: Nhà trọ Nguyễn Hồng L, tổ 5, ấp L, xã A, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 11 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 11 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Nguyễn Thị Kim N và ông Phạm Văn Đ.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim N và ông Phạm Văn Đ thuận tình ly hôn.

Về con chung: Giao cháu Phạm Nguyễn Vân A, sinh ngày 20/6/2018 cho bà Nguyễn Thị Kim N trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc. Ông Đ có nghĩa vụ cấp

dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng). Thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày quyết định có hiệu lực thi hành cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Ông Đ có quyền đi lại, thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được cản trở ông Đ thực hiện quyền và nghĩa vụ này. Khi cần thiết, vì lợi ích của con một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày án có hiệu lực thi hành và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải thanh toán cho người được thi hành án số tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim N phải chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0048317 ngày 02/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- Chi cục THADS thị xã Bến Cát;
- Ủy ban nhân dân xã B,
huyện H, tỉnh Kiên Giang;
- Lưu: HSVA, VT.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Văn Phương